

Số: /KH-UBND

Phúc Thịnh, ngày tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH
Rà soát, thu thập thông tin người khuyết tật
trên địa bàn xã Phúc Thịnh năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 06/7/2024 của UBND huyện Ngọc Lặc, về rà soát, thu thập thông tin người khuyết tật trên địa bàn huyện Ngọc Lặc năm 2024. UBND xã Phúc Thịnh ban hành Kế hoạch rà soát, thu thập thông tin người khuyết tật trên địa bàn xã năm 2024 (sau đây viết tắt là Kế hoạch) với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát, thống kê đầy đủ số lượng người khuyết tật; thu thập đầy đủ, chính xác thông tin về người khuyết tật; hình thành cơ sở dữ liệu về người khuyết tật phục vụ việc phân tích, đánh giá, quản lý và thực hiện chính sách, pháp luật về người khuyết tật; làm cơ sở xây dựng các chương trình, đề án, dự án, chính sách trợ giúp người khuyết tật, chính sách xã hội; thúc đẩy chuyển đổi số trong thực hiện chính sách cho người khuyết tật trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng quy trình, bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác thông tin của người khuyết tật (theo độ tuổi; dạng khuyết tật; mức độ khuyết tật; giấy xác nhận khuyết tật; chính sách đang thụ hưởng; nhu cầu trợ giúp,...) đáp ứng yêu cầu kết nối với dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ chuyển đổi số.

- Công tác rà soát phải được tiến hành từ làng (sau đây viết tắt là làng), do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện; đảm bảo tính chính xác, không bỏ sót đối tượng và đúng tiến độ thời gian quy định.

- Kết quả rà soát người khuyết tật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải có độ tin cậy cao, được sử dụng cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác quản lý, cập nhật thường xuyên hàng năm, can thiệp trợ giúp và thực hiện các chính sách đối với người khuyết tật trên địa bàn xã.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ RÀ SOÁT

1. Phạm vi rà soát

Thực hiện trên địa bàn xã Phúc Thịnh.

2. Đối tượng rà soát

Người khuyết tật¹, hộ gia đình có người khuyết tật đang sinh sống tại cộng đồng theo Luật cư trú.

3. Tiêu chí rà soát

- Người khuyết tật: Là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

- Các dạng khuyết tật: Khuyết tật vận động; khuyết tật nghe, nói; khuyết tật nhìn; khuyết tật thần kinh, tâm thần; khuyết tật trí tuệ; khuyết tật khác².

+ Khuyết tật vận động là tình trạng giảm hoặc mất chức năng cử động đầu, cổ, chân, tay, thân mình dẫn đến hạn chế trong vận động, di chuyển.

+ Khuyết tật nghe, nói là tình trạng giảm hoặc mất chức năng nghe, nói hoặc cả nghe và nói, phát âm thành tiếng và câu rõ ràng dẫn đến hạn chế trong giao tiếp, trao đổi thông tin bằng lời nói.

+ Khuyết tật nhìn là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhìn và cảm nhận ánh sáng, màu sắc, hình ảnh, sự vật trong điều kiện ánh sáng và môi trường bình thường.

+ Khuyết tật thần kinh, tâm thần là tình trạng rối loạn tri giác, trí nhớ, cảm xúc, kiểm soát hành vi, suy nghĩ và có biểu hiện với những lời nói, hành động bất thường.

+ Khuyết tật trí tuệ là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhận thức, tư duy biểu hiện bằng việc chậm hoặc không thể suy nghĩ, phân tích về sự vật, hiện tượng, giải quyết sự việc.

+ Khuyết tật khác là tình trạng giảm hoặc mất những chức năng cơ thể khiến cho hoạt động lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn mà không thuộc các trường hợp 5 dạng khuyết tật trên.

- Mức độ khuyết tật: Khuyết tật nhẹ; khuyết tật nặng; khuyết tật đặc biệt nặng³.

+ Người khuyết tật đặc biệt nặng là những người do khuyết tật dẫn đến mất hoàn toàn chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được các hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc hoàn toàn.

+ Người khuyết tật nặng là những người do khuyết tật dẫn đến mất một phần hoặc suy giảm chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được một số hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc.

¹ Bao gồm người khuyết tật đã được xác định MĐKT, cấp Giấy xác định MĐKT; NKT là thương, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc hóa học da cam Dioxin, bị tai nạn lao động; người khuyết tật nhẹ chưa được xác định MĐKT, chưa được cấp giấy xác nhận MĐKT,...

² Biểu hiện của các dạng khuyết tật được quy định tại các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6 phần III, mẫu số 2 và mẫu số 3 ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1346/VBHN-BLĐTBXH ngày 02/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

³ Biểu hiện của mức độ khuyết tật được quy định tại các mục 1, 2 phần IV, mẫu số 2; phần IV mẫu số 03 ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1346/VBHN-BLĐTBXH ngày 02/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

+ Người khuyết tật nhẹ là người khuyết tật không thuộc 02 trường hợp quy định trên.

- Giấy xác nhận khuyết tật: Do Chủ tịch UBND cấp xã ký ban hành trên cơ sở Kết luận do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật hoặc kết luận của Biên bản giám định y khoa (cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương).

- Các chính sách thụ hưởng, nhu cầu trợ giúp: Trợ cấp xã hội hằng tháng, ưu đãi người có công, tai nạn lao động; chăm sóc sức khỏe; giáo dục; dạy nghề và việc làm; văn hóa, thể thao, giải trí và du lịch; công trình công cộng, giao thông, thông tin và truyền thông,...

III. PHƯƠNG PHÁP, QUY TRÌNH RÀ SOÁT

1. Phương pháp rà soát

- Tổ rà soát sử dụng phương pháp phỏng vấn; quan sát trực tiếp người khuyết tật (thông qua thực hiện hoạt động đơn giản phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày và các phương pháp đơn giản khác để xác định dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật); khai thác thông tin trên giấy xác nhận khuyết tật, hồ sơ xác định mức độ khuyết tật, hồ sơ trợ cấp xã hội hằng tháng.

- Hội đồng xác định mức độ khuyết tật quan sát trực tiếp người khuyết tật, thông qua thực hiện hoạt động đơn giản phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày, sử dụng bộ câu hỏi theo các tiêu chí về y tế, xã hội quy định tại Phiếu xác định mức độ khuyết tật và các phương pháp đơn giản khác để xác định dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật theo quy định⁴.

2. Quy trình rà soát

2.1. Công tác chuẩn bị rà soát

- Xây dựng, ban hành kế hoạch rà soát tại xã; tổ chức tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của việc rà soát người khuyết tật trên các phương tiện truyền thông.

- Xây dựng tài liệu rà soát, phiếu rà soát thu thập thông tin, biểu mẫu tổng hợp (đảm bảo các thông tin như: độ tuổi; dạng tật; mức độ khuyết tật; giấy xác nhận khuyết tật; chính sách đang thụ hưởng; nhu cầu trợ giúp,...); in tài liệu, phiếu rà soát; cấp tài liệu, phiếu rà soát cho cấp xã.

- Tổ chức các hội nghị triển khai kế hoạch, tập huấn nghiệp vụ (tại cấp huyện, xã) cho đại diện cán bộ cấp huyện, cấp xã; cán bộ thôn và tổ rà soát, rà soát viên.

- Thành lập Tổ rà soát tại các làng do Chủ tịch UBND xã quyết định thành lập (thành phần gồm: Trưởng làng; công an viên, CHT hội phụ nữ....); hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc triển khai rà soát.

2.2. Tổ chức rà soát

- **Bước 1:** Tổ rà soát lập danh sách người có biểu hiện khuyết tật thuộc

⁴ Tại Văn bản hợp nhất số 1346/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 02/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Thông tư Quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

diện rà soát (khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật) theo từng làng.

Công chức phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng - Thống kê chủ trì, phối hợp, hướng dẫn Trưởng làng, Tổ rà soát lập danh sách người khuyết tật đang sinh sống tại cộng đồng trên địa bàn làm cơ sở tổ chức thực hiện rà soát.

- **Bước 2:** Tổ chức thực hiện rà soát người khuyết tật theo danh sách

Trên cơ sở danh sách người khuyết tật sinh sống tại các làng, Trưởng làng tiến hành rà soát, thu thập thông tin về người khuyết tật theo danh sách đã lập.

- **Bước 3:** Cập nhật thông tin, phân loại người khuyết tật lên biểu Excel (theo mẫu chung) và tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát về cấp huyện.

+ Trưởng làng tổ trưởng tổ rà soát thống kê phiếu rà soát thu thập thông tin về người khuyết tật tổng hợp, kiểm tra và nộp về UBND xã (Công chức phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận). Trường hợp Phiếu rà soát không đảm bảo thì yêu cầu Rà soát viên thực hiện rà soát lại đảm bảo đúng quy định.

+ Trên cơ sở Phiếu rà soát thu thập thông tin về người khuyết tật của các làng nộp về UBND xã; công chức phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng - Thống kê cập nhật thông tin về người khuyết tật lên biểu Excel (theo mẫu chung) đã được Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện cung cấp.

- **Bước 4:** Tổng hợp, nghiệm thu và báo cáo kết quả rà soát

+ Căn cứ các biểu mẫu tổng hợp trên biểu Excel, UBND xã tổng hợp và kiểm tra, ký xác nhận vào các biểu mẫu tổng hợp theo quy định; báo cáo kết quả rà soát về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) nộp kèm theo các bảng tổng hợp và toàn bộ Phiếu rà soát.

- **Bước 5:** Xác định mức độ khuyết tật, cấp giấy xác nhận khuyết tật cho người khuyết tật

+ UBND cấp xã tuyên truyền, hướng dẫn NKT được rà soát chưa có giấy xác nhận khuyết tật lập hồ sơ đề nghị xác định MĐKT, cấp giấy xác nhận MĐKT (gồm cả thương binh, bệnh binh, người bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, người bị khuyết tật nhẹ,...)

+ Hội đồng xác định MĐKT thực hiện họp, xác định MĐKT, cấp giấy xác nhận khuyết tật; cấp lại giấy xác nhận khuyết tật.

(Có hướng dẫn và mẫu phiếu rà soát, khảo sát, phiếu tổng hợp kèm theo).

IV. THỜI GIAN, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Giai đoạn chuẩn bị rà soát, triển khai và tổ chức rà soát: Dự kiến xong trước ngày 30/8/2024.

- UBND xã xây dựng, ban hành kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, phổ biến;

tập huấn nghiệp vụ rà soát: hoàn thành **trước ngày 15/7/2024**.

- Tổ chức rà soát thu thập thông tin về người khuyết tật và cập nhật thông tin người khuyết tật vào biểu mẫu Excel: hoàn thành **trước ngày 30/8/2024**.

2. Giai đoạn kết thúc, tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát: Dự kiến xong trước ngày 05/9/2024.

- UBND xã tổng hợp, phê duyệt, báo cáo kết quả rà soát về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) hoàn thành: **trước ngày 05/9/2024**.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Từ nguồn Ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Các nguồn đóng góp, hỗ trợ hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND xã.

1.2. Giao cho công chức phụ trách Lao động TBXH: Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát phiếu cho tổ rà soát làng, chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, giám sát công tác rà soát của các làng.

- Trong quá trình rà soát, nếu người khuyết tật chưa được xác định mức độ khuyết tật, hướng dẫn người khuyết tật làm thủ tục theo quy định và tham mưu cho Hội đồng xác định mức độ khuyết tật của xã thực hiện xác định mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật cho người khuyết tật theo đúng quy định.

1.2 Kế toán ngân sách xã: Bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định (ngoài nguồn kinh phí được hỗ trợ phê duyệt theo Kế hoạch) để thực hiện tốt công tác rà soát.

1.3 Công chức VHXX: Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung của Kế hoạch rà soát, khảo sát thông tin về người khuyết tật trên hệ thống loa phát thanh của UBND, của làng. Đồng thời, tổ chức các hội nghị quán triệt, lồng ghép triển khai các nội dung về thực hiện kế hoạch khảo sát để cán bộ, người dân biết, thực hiện.

1.4 Trạm Y tế xã: Hỗ trợ về chuyên môn trong lĩnh vực y tế cho cán bộ/cộng tác viên trong quá trình thực hiện rà soát, khảo sát thu thập thông tin về người khuyết tật.

1.5 Các làng: Đồng chí trưởng làng căn cứ vào kế hoạch của UBND xã tổ chức rà soát, khảo sát thông tin về người khuyết tật.

1.6 Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, các tổ chức chính trị xã hội, hội người khuyết tật, trẻ mồ côi và bảo vệ quyền trẻ em, các tổ chức có liên quan

Phối hợp, hỗ trợ công tác triển khai thực hiện Kế hoạch này; giám sát công tác rà soát tại các làng, kịp thời phản ánh những bất cập trong rà soát về UBND xã (qua đồng chí Công chức phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội) để tiếp thu, hướng dẫn, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch rà soát, thống kê thông tin Người khuyết tật trên địa bàn xã Phúc Thịnh năm 2024 đề nghị các làng, các tổ chức có liên quan nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy; HĐND (B/C);
- CT, các PCT UBND xã;
- MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội;
- Công chức chuyên môn UBND;
- 8 làng;
- Trạm y tế xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Quang

HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU RÀ SOÁT THÔNG TIN NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số ngày / /2024 của Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc)

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM SỬ DỤNG TRONG RÀ SOÁT

1. Khái niệm người khuyết tật: là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

2. Lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội

Bao gồm tiền lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và các khoản trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng, trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác theo quy định hiện hành.

3. Hưởng trợ cấp người có công hằng tháng

Bao gồm người hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945; thân nhân liệt sĩ; anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong kháng chiến, bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh; người hoạt động kháng chiến và con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học.

II. NGUYÊN TẮC HỎI VÀ GHI PHIẾU RÀ SOÁT

Đối với phiếu rà soát hộ có người khuyết tật: cán bộ/cộng tác viên đến từng hộ gặp chủ hộ hoặc một thành viên khác trong hộ có khả năng về hành vi, hỏi các thông tin liên quan để ghi vào phiếu. cán bộ/cộng tác viên phải ghi câu trả lời rõ ràng đồng thời ghi chữ số vào các ô trả lời và tích (X) vào các ô vuông có mã số tương ứng ở từng câu trong phiếu theo đúng hướng dẫn, không bỏ sót hoặc ghi sai một câu nào trong phiếu.

Sau khi ghi phiếu xong, cán bộ/cộng tác viên phải đọc cho người cung cấp thông tin nghe để xác nhận thông tin. Nếu phát hiện ra sai sót ở câu nào thì cán bộ/cộng tác viên phải xác minh để bổ sung, chỉnh sửa ngay tại nơi người cung cấp thông tin.

Toàn bộ số phiếu rà soát thống kê, thông tin người khuyết tật phải nộp về cho cấp xã, cấp xã nộp cho cấp huyện. Phiếu rà soát thống kê phải

ghi đầy đủ thông tin, chính xác, nếu phiếu không hợp lệ, không đảm bảo độ chính xác sẽ trả lại cho địa phương hoàn thiện.

III. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU RÀ SOÁT

1. Phần thông tin chung

Địa chỉ: cán bộ/cộng tác viên trước khi đến từng hộ phỏng vấn có thể ghi trước và phải ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ: Huyện, thị xã, thành phố (Mục 1); Xã, phường, thị trấn (Mục 2); Thôn, khu phố (Mục 3).

Khu vực: Nếu hộ thuộc khu vực thành thị thì tích **(X)** vào ô vuông mã số 1, thuộc khu vực nông thôn thì tích **(X)** vào ô vuông mã số 2. Nếu hộ thuộc khu vực miền núi, hải đảo thì **(X)** vào ô vuông mã số 3.

Số thứ tự hộ khảo sát của thôn, khu phố: Căn cứ vào số thứ tự rà soát của thôn, khu phố, cán bộ/cộng tác viên ghi số thứ tự của hộ vào ô vuông trống bên cạnh (ghi từ 01 cho đến hết số hộ đi khảo sát. Ví dụ trong thôn có 20 hộ có người khuyết tật thì sẽ ghi số thứ tự từ 01 đến 20).

2. Thông tin về hộ gia đình của người khuyết tật

Điều tra viên tích dấu (X) vào ô vuông tương ứng theo mã số.

Câu 1:

Ghi rõ họ và tên chủ hộ bằng chữ in hoa có dấu, ví dụ: NGUYỄN THỊ A

Khái niệm chủ hộ: Là người trụ cột của gia đình, đại diện của hộ gia đình trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của hộ, giữ vai trò quyết định mọi công việc của hộ, được mọi thành viên trong hộ suy tôn.

Năm sinh: Ghi đủ cả 4 số của năm sinh vào ô trống, ví dụ:

1	9	8	5
---	---	---	---

Lưu ý:

+ Ghi rõ họ tên theo Giấy khai sinh, Căn cước công dân hoặc Thông báo mã số định danh công dân.

+ Năm sinh ghi theo năm dương lịch, trường hợp người trả lời không nhớ năm sinh thì điều tra viên căn cứ vào tuổi của người trả lời quy đổi về năm sinh.

Câu 2:

Giới tính, là nam thì tích **(X)** ô vuông mã số 1, nữ tích **(X)** vào ô vuông mã số 2 (lựa chọn 1 trong 2 ô vuông);

Dân tộc: là dân tộc Kinh thì tích **(X)** vào ô vuông mã số 1, dân tộc thiểu số (Mường, Thái, Hmong, ...) thì tích **(X)** vào ô vuông mã số 2 (lựa chọn 1 trong 2 ô vuông).

Câu 3: Điều tra viên cần hiểu rõ và giải thích cho gia đình biết để điền thông tin chính xác gia đình đang khảo sát thuộc diện nào. Có thể trong gia đình sẽ có người đang hưởng hai chế độ (vừa hưởng lương hưu hoặc trợ cấp BHXH, vừa hưởng trợ cấp người có công hằng tháng....) thì tích dấu (X) vào các ô có mã số tương ứng.

Gia đình thuộc diện hộ nghèo và hộ cận nghèo: Là hộ gia đình qua điều tra, rà soát ở cơ sở đáp ứng các tiêu chí về xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn để tích dấu (X) cho phù hợp vào ô có mã số tương ứng.

Câu 4. Ghi rõ tổng số người thực tế đang sống trong hộ gia đình và số người trong độ tuổi lao động người còn khả năng lao động vào dấu.....

Khái niệm người trong độ tuổi lao động: Là những người từ đủ 15 tuổi đến 55 tuổi đối với nữ, từ đủ 15 tuổi đến 60 tuổi đối với nam (tính theo tháng sinh).

Câu 5. Ghi rõ số người khuyết tật trong hộ gia đình vào ô vuông.

3. Thông tin về người khuyết tật

Phiếu điều tra lập cho gia đình, có tối đa 4 cột để ghi được 4 người khuyết tật và đánh số thứ tự từ 1 đến 4. Hộ gia đình nào có nhiều hơn 4 người khuyết tật thì ghi tiếp sang phiếu thứ 2.

Câu 1. Ghi rõ họ và tên người khuyết tật (viết chữ in hoa có dấu), ví dụ TRẦN VĂN ANH.

Câu 2. - Năm sinh ghi rõ và đầy đủ 4 chữ số, ví dụ:

1	9	8	8
---	---	---	---

- Thuộc đối tượng NKT là trẻ em (0 đến dưới 16 tuổi): tích (X) vào ô vuông mã số 1.

- Thuộc đối tượng NKT (từ đủ 16 đến dưới 60 tuổi): tích (X) vào ô vuông mã số 2.

- Thuộc đối tượng NKT (từ đủ 60 đến dưới 80 tuổi): tích (X) vào ô vuông mã số 3.

- Thuộc đối tượng NKT (từ đủ 80 tuổi trở lên): tích (X) vào ô vuông mã số 4.

Câu 3. Giới tính là Nam tích (X) vào ô vuông mã số 1, là Nữ tích (X) vào ô vuông mã số 2.

Câu 4. Là dân tộc Kinh tích (X) vào ô vuông có mã số 1, dân tộc thiểu số tích (X) vào ô vuông mã số 2.

Câu 5. Quan hệ với chủ hộ, thuộc diện nào thì tích **(X)** vào ô có mã số tương ứng (lựa chọn 1 trong 5 ô vuông).

Câu 6. Trình độ học vấn cao nhất: thuộc diện nào thì tích **(X)** vào ô có mã số tương ứng.

1- Chưa đi học: Hiện tại chưa đi học do chưa đến tuổi đi học hoặc không có điều kiện đi học do không có các trường lớp chuyên biệt.

2- Không biết chữ: Đã đến tuổi đi học nhưng chưa biết chữ do chưa được đi học các lớp chuyên biệt hoặc đã đi học nhưng vẫn không biết chữ.

3- Tiểu học (cấp I): Hiện tại đang học tiểu học hoặc đã học xong các lớp bậc tiểu học và không tiếp tục học lên nữa.

4- THCS (cấp II): Hiện tại đang học trung học cơ sở hoặc đã học xong các lớp bậc trung học cơ sở và không tiếp tục học lên nữa.

5- THPT (cấp III): Hiện tại đang học trung học phổ thông hoặc đã học xong các lớp bậc trung học phổ thông và không tiếp tục học lên nữa.

6- Trung cấp, cao đẳng trở lên: Hiện tại đang học trung cấp, cao đẳng trở lên hoặc đã học xong.

Câu 7. Giấy xác nhận khuyết tật: thuộc diện nào thì tích **(X)** vào ô có mã số tương ứng.

Câu 8: Mức độ khuyết tật

Theo Luật Người khuyết tật và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật, chia làm 6 dạng tật cơ bản và 3 mức độ khuyết tật khác nhau.

Những đối tượng là người khuyết tật đã được Hội đồng cấp xã xác định mức độ khuyết tật và được UBND cấp xã cấp giấy xác nhận khuyết tật. Rà soát viên căn cứ vào dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật được ghi trong giấy xác nhận khuyết tật để đối chiếu vào phiếu điều tra xem người khuyết tật thuộc dạng tật, mức độ khuyết tật nào thì đánh dấu **(X)** vào các ô tương ứng trong từng dạng tật đó.

Ví dụ: Trong giấy xác nhận khuyết tật của ông Nguyễn Văn A ghi dạng khuyết tật: vận động; nghe, nói và mức độ khuyết tật: nặng. Điều tra viên hỏi người cung cấp thông tin ông Nguyễn Văn A thuộc khuyết tật vận động gì (khuyết tật khoèo tay, cụt chân, liệt nửa người....) và thuộc dạng khuyết tật nghe, nói nào (tai điếc, bị câm....) thì đánh dấu **(X)** vào các ô tương ứng trong câu 9-14.

Câu 15. Nguyên nhân gây ra khuyết tật

Trong 6 nguyên nhân gây ra tình trạng khuyết tật nếu đối tượng bị khuyết tật do nguyên nhân nào thì tích dấu (X) vào ô có mã số tương ứng.

Câu 16. Khả năng lao động

Người khuyết tật còn khả năng lao động là người trong độ tuổi lao động, bị khuyết tật, còn khả năng tham gia hoạt động lao động sản xuất, kinh doanh dịch vụ tạo ra sản phẩm tự nuôi sống bản thân đóng góp cho gia đình và xã hội.

Những trường hợp còn lại là người không còn khả năng lao động.

Người khuyết tật có khả năng lao động tích (X) vào ô vuông mã số 1, không có khả năng lao động thì tích (X) vào ô vuông mã số 2 (lựa chọn 1 trong 2 ô vuông).

Nếu câu trả lời là có (mã số 1) thì tiếp tục trả lời câu số 17, nếu trả lời là không (mã số 2) thì bỏ qua các câu 17, 18 chuyển sang trả lời câu 19.

Câu 17. Tình trạng việc làm (chỉ hỏi những người khuyết tật có tích (X) ở ô vuông có mã số 1 trong câu 16). Nếu có việc làm ổn định, thường xuyên thì tích (X) vào ô vuông mã số 1. Việc làm không ổn định, không có việc làm thường xuyên thì tích (X) vào ô vuông mã số 2. Không có việc làm thì tích (X) vào ô vuông có mã số 3 (nếu trả lời ở ô vuông mã số 3 thì trả lời tiếp Câu 18).

Câu 18. Lý do không có việc làm (chỉ hỏi những người có đánh mã số 3 ở câu 17 tức là những người không có việc làm).

Căn cứ vào tình trạng thực tế của người khuyết tật để ghi lý do: không có tay nghề tích (X) vào ô vuông mã số 1; do ốm đau, bệnh tật thì tích (X) vào ô vuông mã số 2; đã có thu nhập để sống thì tích (X) vào ô mã số 3; việc làm không phù hợp thì tích (X) vào ô mã số 4.

Câu 19. Người khuyết tật đang hưởng chính sách nào

- Theo Pháp lệnh Người có công: Bao gồm trợ cấp người hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945; thân nhân liệt sĩ; anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong kháng chiến, bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh; người hoạt động kháng chiến và con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học.

- Trợ cấp xã hội: Đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP, Luật người cao tuổi,...

- Bảo hiểm xã hội: Đang hưởng lương hưu, mất sức, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tuất công nhân viên chức... do Bảo hiểm xã hội chi trả hằng tháng.

Được hưởng chính sách nào thì tích (X) vào ô có mã số tương ứng. Người khuyết tật được hưởng nhiều chính sách thì tích (X) vào các ô vuông có mã tương ứng.

Ví dụ: hưởng trợ cấp người có công thì tích (X) vào ô vuông mã số 1, hưởng chính sách bảo hiểm xã hội thì tích (X) vào ô vuông mã số 3; hoặc cùng lúc hưởng trợ cấp người có công và chính sách bảo hiểm xã hội thì tích (X) vào ô vuông mã số 1 và 2.

Câu 20. Đã được tiếp cận các dịch vụ

Người khuyết tật được tiếp cận dịch vụ nào thì tích (X) vào ô có mã số tương ứng.

VD: được cấp chân tay giả, xe lăn thì tích (X) vào ô vuông mã số 2; được cấp thẻ BHYT tích (X) vào ô vuông mã số 3. Nếu người khuyết tật được tiếp cận nhiều dịch vụ thì tích (X) vào các ô vuông có mã số tương ứng.

Câu 21. Đào tạo nghề: bao gồm đào tạo nghề ngắn hạn, dài hạn, kể cả đào tạo nghề theo phương pháp truyền nghề

Chưa được đào tạo nghề thì tích (X) vào ô vuông mã số 1; đã được đào tạo nghề thì tích (X) vào ô vuông mã số 2; trường hợp người khuyết tật được đào tạo nghề từ chương trình dạy nghề dành cho người khuyết tật thì tích dấu (X) vào ô vuông mã số 3.

Câu 22. Nguyên vọng của bản thân và gia đình người khuyết tật. Người khuyết tật và gia đình có nhiều nguyện vọng thì tích (X) vào các ô vuông có mã số tương ứng

VD: được học nghề ngắn hạn thì tích (X) vào ô vuông mã số 3; được phẫu thuật về mắt thì tích (X) vào ô vuông mã số 9.

Câu 23. Cán bộ/cộng tác viên ghi nhận định, đánh giá khuyến nghị của mình về người khuyết tật và gia đình họ

Trên đây là hướng dẫn cách ghi phiếu điều tra bổ sung thông tin người khuyết tật. Đề nghị các Rà soát viên viên tham gia cuộc điều tra người khuyết tật phải đọc kỹ hướng dẫn để đảm bảo thực hiện ghi vào phiếu những thông tin mang tính chính xác, đầy đủ, đem lại hiệu quả cao cho đợt điều tra.

Sau khi kết thúc cuộc điều tra thông tin người khuyết tật, toàn bộ số phiếu được chuyển về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm cơ sở để nhập dữ liệu quản lý đối tượng; sau đó chuyển lại dữ liệu cho các huyện, thị xã, thành phố để quản lý và điều chỉnh khi có biến động tăng hoặc giảm hàng năm về đối tượng là người khuyết tật trên địa bàn.

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA

PHIẾU KHẢO SÁT THÔNG TIN NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Loại phiếu dành cho người khuyết tật và hộ gia đình)

Địa chỉ: 1. Huyện, thị xã, thành phố:.....

2. Xã, phường, thị trấn:..... 3. Thôn, khu phố:.....

Khu vực: Thành thị: 1- ☐ Nông thôn: 2- ☐ Miền núi, hải đảo: 3- ☐

Số thứ tự hộ khảo sát của thôn, khu phố:

I - THÔNG TIN VỀ HỘ GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Câu 1: Họ và tên chủ hộ (viết chữ in hoa có dấu):..... Năm sinh:

Câu 2. Giới tính: Nam: 1- ☐ Nữ: 2- ☐ Dân tộc: Kinh: 1- ☐ Dân tộc thiểu số: 2- ☐

Câu 3: Loại hộ: Gia đình thuộc diện nào sau đây:

Có thành viên đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp BHXH	1- ☐	Thuộc hộ nghèo	4- ☐
Có thành viên hưởng trợ cấp người có công hằng tháng	2- ☐	Thuộc hộ cận nghèo	5- ☐
Có thành viên đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng	3- ☐		

Câu 4. Số người trong hộ:..... người. Số người trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động.....người.

Câu 5. Tổng số người khuyết tật trong hộ:

II - THÔNG TIN VỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

(Chỉ khảo sát những người khuyết tật theo quy định trong hướng dẫn)

TT (A)	Nội dung, thông tin khảo sát (B)	Người thứ 1 (Cột 1)	Người thứ 2 (Cột 2)	Người thứ 3 (Cột 3)	Người thứ 4 (Cột 4)
Câu 1	Họ và tên người khuyết tật				
Câu 2	Năm sinh (ghi đủ 4 số):				
	Thuộc diện NKT 1 - NKT là trẻ em (0 đến dưới 16 tuổi) ; 2 - NKT từ đủ 16 tuổi đến dưới 60 tuổi; 3 - NKT từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi ; 4 - NKT từ đủ 80 tuổi trở lên	1- 2- 3- 4-	1- 2- 3- 4-	1- 2- 2- 4-	1- 2- 3- 4-
Câu 3	Giới tính: 1-Nam; 2-Nữ	1- 2-	1- 2-	1- 2-	1- 2-
Câu 4	Dân tộc 1-Kinh; 2-Dân tộc thiểu số	1- 2-	1- 2-	1- 2-	1- 2-
Câu 5	Quan hệ với chủ hộ 1- Chủ hộ 2- Vợ/chồng của chủ hộ 3- Con của chủ hộ 4- Bố, mẹ của chủ hộ 5- Khác (anh, chị, em...)	1- 4- 2- 5- 3-	1- 4- 2- 5- 3-	1- 4- 2- 5- 3-	1- 4- 2- 5- 3-

Câu 6	Trình độ học vấn cao nhất 1- Chưa đi học 2- Không biết chữ 3- Tiểu học (cấp I) 4- THCS (cấp II) 5- THPT (cấp III) 6- Trung cấp, cao đẳng trở lên	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐
Câu 7	Giấy xác nhận khuyết tật 1- Đã được UBND xã cấp 2- Chưa được cấp	1- ☐ 2- ☐	1- ☐ 2- ☐	1- ☐ 2- ☐	1- ☐ 2- ☐
Câu 8	Mức độ khuyết tật 1-Đặc biệt nặng; 2-Nặng; 3-Nhẹ; 4-Chưa xác định mức độ KT	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐
Câu 9	Khuyết tật vận động Khuyết tật tay: 1-Cụt tay; 3-Liệt tay; 2-Khèo tay; 4-Khác.	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐
	Khuyết tật chân: 1-Cụt chân; 3-Liệt chân 2-Thọt chân; 4-Khác	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐
	Khuyết tật người: 1-Liệt nửa người; 3-Liệt hai chân; 2-Liệt toàn thân; 4-Gù lưng; 5-Lệch người; 6-Khác.	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐

Câu 10	Khuyết tật nhìn: 1-Mù một mắt; 4-Mắt lác; 2-Mù hai mắt; 5-Khác. 3-Lòa, không nhìn rõ	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐
Câu 11	Khuyết tật nghe, nói: 1-Tai điếc; 2-Không nghe rõ 3-Bị câm; 4-Nói ngọng, lắp; 5-Nói khó; 6-Nói không rõ	1- ☐ 2- ☐ 3- ☐ 4- ☐ 5- ☐ 6- ☐	1- ☐ 2- ☐ 3- ☐ 4- ☐ 5- ☐ 6- ☐	1- ☐ 2- ☐ 3- ☐ 4- ☐ 5- ☐ 6- ☐	1- ☐ 2- ☐ 3- ☐ 4- ☐ 5- ☐ 6- ☐
Câu 12	Khuyết tật thần kinh, tâm thần: 1-Không còn khả năng điều trị 2-Còn khả năng điều trị; 3-Tâm thần nhẹ	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐
Câu 13	Khuyết tật trí tuệ: 1-Ngớ ngẩn; 3-Thiếu năng 2-Chậm phát triển; 4-Tự kỷ	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐
Câu 14	Khuyết tật khác: 1-Tự kỷ; 3-Hở hàm ếch 2-Sứt môi; 4-Khuyết tật khác	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐
Câu 15	Nguyên nhân gây ra khuyết tật 1-Chiến tranh; 4-Bẩm sinh; 2-Tai nạn lao động; 5-Bệnh tật; 3-Tai nạn giao thông; 6-Khác	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐	1- ☐ 4- ☐ 2- ☐ 5- ☐ 3- ☐ 6- ☐

Câu 16	Có khả năng lao động không 1-Có (<i>trả lời tiếp câu 17</i>) 2-Không (<i>chuyển sang trả lời câu 19</i>)	1- ☐ 2- ☐	1- ☐ 2- ☐	1- ☐ 2- ☐	1- ☐ 2- ☐
Câu 17	Tình trạng việc làm: 1-Có ổn định 2-Không ổn định 3-Không có việc làm (<i>trả lời tiếp câu 18</i>)	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐
Câu 18	Lý do không có việc làm 1-Không có tay nghề 2-Do bệnh tật (ốm, yếu) 3-Đã có thu nhập để sống	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐
Câu 19	Người khuyết tật đang được hưởng chính sách nào: 1-Theo pháp lệnh người có công 2-Trợ cấp xã hội 3-Bảo hiểm xã hội	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐
Câu 20	Đã được tiếp cận các dịch vụ: 1-Phẫu thuật chỉnh hình 2-Cấp chân tay giả, xe lăn 3-Cấp thẻ bảo hiểm y tế 4-Mua thẻ BHYT tự nguyện	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐ 4- ☐
Câu 21	Đào tạo nghề: 1-Chưa được đào tạo nghề 2-Đã được đào tạo nghề 3-Đã được đào tạo nghề từ chương trình dành cho NKT	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐	1- ☐ 3- ☐ 2- ☐
Câu 22	Nguyện vọng: 1-Được đi học	1- ☐ 9- ☐	1- ☐ 9- ☐	1- ☐ 9- ☐	1- ☐ 9- ☐

	2-Được học các lớp chuyên biệt (mù, câm, điếc) 3-Học nghề ngắn hạn 4-Có việc làm 5-Vay vốn SXKD 6-Phẫu thuật chỉnh hình 7-Dụng cụ chỉnh hình, chân tay giả 8-Cấp xe lăn, xe lắc, xe bại não 9-Phẫu thuật về mắt 10-Phẫu thuật sút môi, hở hàm ếch 11-Nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH 12-Người tâm thần không còn khả năng điều trị cần nuôi dưỡng dài hạn tại cơ sở BTXH 13-Cấp thẻ BHYT 14-Hỗ trợ làm nhà ở 15-Hỗ trợ sinh kế, phương tiện sản xuất 16-Trẻ tự kỷ, rối nhiễu tâm trí được hỗ trợ can thiệp, trị liệu	2- ☐ 10- ☐ 3- ☐ 11- ☐ 4- ☐ 12- ☐ 5- ☐ 13- ☐ 6- ☐ 14- ☐ 7- ☐ 15- ☐ 8- ☐ 16- ☐	2- ☐ 10- ☐ 3- ☐ 11- ☐ 4- ☐ 12- ☐ 5- ☐ 13- ☐ 6- ☐ 14- ☐ 7- ☐ 15- ☐ 8- ☐ 16- ☐	2- ☐ 10- ☐ 3- ☐ 11- ☐ 4- ☐ 12- ☐ 5- ☐ 13- ☐ 6- ☐ 14- ☐ 7- ☐ 15- ☐ 8- ☐ 16- ☐	2- ☐ 10- ☐ 3- ☐ 11- ☐ 4- ☐ 12- ☐ 5- ☐ 13- ☐ 6- ☐ 14- ☐ 7- ☐ 15- ☐ 8- ☐ 16- ☐
Câu 23	Ý kiến nhận xét, đánh giá và khuyến nghị người khuyết tật, gia đình người khuyết tật: (về thực trạng đời sống vật chất, tinh thần, tình trạng sức khỏe, bệnh tật của người khuyết tật và gia đình họ):				

.....ngày.....tháng.....năm 2024

Người khuyết tật/đại diện hộ gia đình NKT
ký tên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Rà soát viên ký tên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch UBND cấp xã
(Ký tên, đóng dấu)

UBND huyện Ngọc Lặc

BIỂU TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT, THỐNG KÊ THÔNG TIN NGƯỜI KHUYẾT TẬT
NĂM 2024 - CẤP HUYỆN

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng số hộ có người khuyết tật được điều tra (hộ)	Tổng số người khuyết tật điều tra theo phiếu (người)	Ghi chú

Ngày tháng năm 2024

Người tổng hợp

Chủ tịch UBND cấp huyện

UBND huyện Ngọc Lặc
Xã, thị trấn.....

BIỂU TỔNG HỢP PHIẾU ĐIỀU TRA THÔNG TIN NGƯỜI KHUYẾT TẬT
NĂM 2024 - CẤP XÃ

STT	Tên Thôn	Tổng số hộ có người khuyết tật được điều tra (hộ)	Tổng số người khuyết tật điều tra theo phiếu (người)	Ghi chú

Ngày tháng năm 2024

Người tổng hợp Chủ tịch UBND cấp xã